

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/HSPT

Ngày 28-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo **Phạm Thị L** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 05/02/2020, của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đăk Lăk.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Phạm Thị L**; sinh năm 1959, tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Thôn 06, xã A, huyện B, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); có chồng Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trịnh Gia F, Luật sư Lê Xuân Anh G – Luật sư thuộc Công ty luật TNHH MTV ĐN - thuộc đoàn luật sư tỉnh Đăk Lăk (đều có mặt);

- Bị hại: Chị Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1988; trú tại: Thôn 06, xã A, huyện B, tỉnh Đăk Lăk (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Luật sư Nguyễn Văn I
– Thuộc văn phòng Luật sư ĐL là cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Đức J, sinh năm 1996 (vắng mặt).
2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1965 (có mặt).
3. Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1979 (vắng mặt).
4. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 (vắng mặt).
5. Anh Lê Trung N, sinh năm 1983 (vắng mặt).
6. Chị Hà Thị O, sinh năm 1977 (vắng mặt).
7. Chị Kiều Thị P, sinh năm 1976 (vắng mặt).
8. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn 06, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa chị Võ Thị Ngọc H và Phạm Thị L xảy ra mâu thuẫn với nhau từ việc mua giống cây mỳ (sắn) vào tối ngày 16 tháng 3 năm 2019. Ngày 17 tháng 3 năm 2019, L dắt con dao bằng kim loại trên gác ba ga xe máy mục đích sau khi mua đồ ăn sáng về sẽ đi làm. Sau khi mua đồ ăn sáng xong, L đi ra đường trước quán của gia đình bà Nguyễn Thị Q ở thôn 06, xã A, lúc này H cũng đang đi mua đồ ăn sáng, thấy L, chị H gọi L dừng lại để nói chuyện, khi L dừng lại thì hai bên đứng ra chửi nhau. Trong lúc chửi nhau, L dùng tay trái rút con dao trên gác ba ga xe máy cầm trên tay, chị H đi lại gần chỗ L thì bị L cầm con dao chém một nhát trúng vào phần ngang tai phải của chị H làm chảy máu. Bị chém, chị H lao vào dùng tay phải cầm cổ tay trái của L, tay phải túm tóc của L ghì xuống đất. Lúc này có ông Nguyễn Văn K (bố chồng chị H) đang ở gần đó nghe ồn ào liền đi lại thấy L và chị H đang giằng co con dao, thấy vậy ông K đến gỡ con dao từ tay của L ra, khi gỡ được con dao ra nhưng hai bên vẫn túm tóc và giằng co nhau, nên cả hai bị ngã xuống đường. Lúc này có ông Nguyễn Văn L đi qua, thấy vậy cũng xuống can ngăn, được can ngăn chị H bỏ đi qua bên đường, L đi theo và tiếp tục lao vào giằng co, vật nhau với chị H. Hai bên dùng tay đánh vào mặt, đầu của nhau được một lúc thì được mọi người can ngăn nên dừng lại, sau khi đánh nhau, chị H đến Bệnh viện đa khoa XA ở huyện S, Tp. Hồ Chí Minh điều trị thương tích, còn bị cáo đến Bệnh viện đa khoa huyện B điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 627/TgT – TTPY, ngày 27 tháng 05 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Võ Thị Ngọc H bị vết thương rách sụn vành tai phải: 06%; sẹo sau tai phải: 01%, do vật sắc tác

động trực tiếp hướng từ trước ra sau, từ phải sang trái; Chấn động não: 08% do vật tày tác động trực tiếp. Tổng tỷ lệ thương tích là 14%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 803/TgT – TTPY, ngày 02/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Phạm Thị L bị sẹo niêm mạc môi trên trái: 01% (do vật tày trực tiếp tác động trực tiếp gây nên), sẹo thâm gò trái: 01% (do sự va trượt với vật tày gây nên), sẹo mô bàn tay trái 01% do vật tày có cạnh gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2020/HSST ngày 05/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 02 năm 06 tháng (hai năm sáu tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Thị L phải bồi thường cho bị hại chị Võ Thị Ngọc H số tiền 41.694.000đ (bốn mươi một triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 22 tháng 11 năm 2019 để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Võ Thị Ngọc H số tiền 36.694.000 (ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Chị Võ Thị Ngọc H được nhận số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo Phạm Thị L nộp để bồi thường, khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 22 tháng 11 năm 2019 theo biên lai thu số 17380.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.834.000 (một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo cho bị cáo và đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/02/2020, bị cáo Phạm Thị L kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Sự thật vụ án không như nhận định của cơ quan tiến hành tố tụng và cho rằng mức

hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là nghiêm khắc; về phần dân sự và án phí bản án sơ thẩm tuyên chưa đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Ngày 13/4/2020, bị cáo có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án theo hướng hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc trong trường hợp xác định bị cáo có tội thì bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 18/02/2020, bị hại kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 27/4/2020 bị cáo rút một phần kháng cáo về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xem xét về phần trách nhiệm dân sự, án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị hại rút kháng cáo về đề nghị tăng mức hình phạt chỉ yêu cầu xem xét tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và đề nghị xem xét về phần trách nhiệm dân sự, án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã áp dụng là tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người cao tuổi, thuộc hộ cận nghèo, phạm tội lần đầu, tại cấp phúc thẩm bị cáo tự nguyện nộp thêm số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho người bị hại. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục, răn đe. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị cáo là người cao tuổi nên đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo về giảm tiền bồi thường thiệt hại và kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng mức bồi thường thì thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 41.694.000đ là phù hợp với các hóa đơn chứng từ và các chi phí hợp lệ theo quy định của pháp luật nên kháng cáo của bị cáo và bị

hại là không có căn cứ. Vì vậy, cần giữ nguyên mức bồi thường mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

Đối với kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, tại phiên tòa bị hại đã rút yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự - Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị L; không chấp nhận kháng cáo của người bị hại chị Võ Thị Ngọc H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 05/02/2020, của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc bị hại chặn đường để gây sự với bị cáo trước làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại gây ra. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người cao tuổi, có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ cận nghèo, bản thân bị cáo cũng nhiều bệnh tật, bị cáo phạm tội lần đầu, tại cấp phúc thẩm bị cáo tự nguyện nộp thêm số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo phạm tội cũng do một phần lỗi của người bị hại. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt mà điều luật quy định và cho bị cáo được hưởng án treo.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 41.694.000đ là cao đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo và là người cao tuổi đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với lời tranh luận của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Thương tích của bị hại là do bị cáo gây ra với lỗi cố ý. Bởi lẽ, khi sự việc giằng co lần thứ nhất bị cáo đã dùng dao gây thương tích cho bị hại xong lúc này bị hại đã bỏ qua bên kia đường bị cáo vẫn tiếp tục đi theo và có ý định tiếp tục để xô xát lần thứ hai điều đó thể hiện bị cáo cố ý thực hiện tội phạm đến cùng. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo đã phù hợp nên bị hại đã rút yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, về phần trách nhiệm dân sự các khoản bị hại yêu cầu bồi thường cấp sơ thẩm đã xem xét nhưng có 03 khoản chưa

phù hợp:

Khoản tiền xe chở chị H xuống bệnh viện XA chưa được cấp sơ thẩm xem xét.

Tiền thu nhập bị mất của người bị hại và tiền công người chăm sóc cho người bị hại trong thời gian điều trị tính 10 ngày công là chưa phù hợp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm xác định bị hại có lỗi là không đúng, bị hại không có lỗi gì. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng mức bồi thường thiệt hại.

Người bị hại đồng ý với lời tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng và những chứng cứ khác của vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 17 tháng 3 năm 2019, do có mâu thuẫn về mua giống cây mỳ từ trước, bị cáo và bị hại đã đánh nhau gây thương tích. Hậu quả bị cáo dùng dao gây thương tích vào tai trái và dùng mũ bảo hiểm đánh vào đầu gây thương tích cho chị Võ Thị Ngọc H với tổng tỷ lệ 14%. Như vậy, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về phân trách nhiệm dân sự, án phí dân sự cho bị cáo. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bị cáo không thừa nhận đã dùng dao chém bị hại và dùng mũ bảo hiểm đánh vào đầu bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại; nguyên nhân chủ yếu bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do người bị hại chặn đường gây sự với bị cáo trước; bản thân của bị cáo cũng bị thương tích 03% sức khỏe. Bị cáo thuộc hộ cận nghèo và là người cao tuổi, có nơi cư trú rõ ràng nên việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo. Để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo, tại phiên tòa bị hại đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với kháng cáo của bị cáo đề nghị giảm mức tiền bồi thường thiệt hại và kháng cáo của bị hại đề nghị tăng mức tiền bồi thường thiệt hại thì thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã xem xét các khoản tiền bồi thường thiệt hại phù hợp với các hóa đơn chứng từ và các chi phí hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xem xét tiền thu nhập thực tế bị mất của người bị hại trong thời gian điều trị 10 ngày là chưa phù hợp và khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe 1.480.000 đồng là thấp so với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét lại cho phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại chị Võ Thị Ngọc H các khoản chi phí gồm:

Tiền chi phí nằm viện và điều trị có hóa đơn chứng từ: 19.424.411 đồng

Tiền xe đi cấp cứu từ xã A ra bệnh viện huyện B: 1.000.000 đồng

Tiền xe từ Đắc Lắc đi TP.Hồ Chí Minh và ngược lại: 02 người x 2 lượt(đi và về) x 220.000 đồng = 880.000 đồng.

Tiền thu nhập bị mất của người bị hại trong thời gian điều trị là 30 ngày x 200.000 đồng/ngày = 6.000.000 đồng

Tiền thu nhập bị mất của người chăm sóc người bị hại trong thời gian nằm viện: 10 ngày x 200.000 đồng/ngày = 2.000.000 đồng.

Tiền bồi dưỡng sức khỏe 5.000.000 đồng

Tiền bù đắp tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng

Tổng cộng số tiền bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là 49.204.411 đồng, được khấu trừ số tiền 7.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số: AA/2013/17380 ngày 22 tháng 11 năm 2019 và biên lai thu số : AA/2013/17390 ngày 01 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Võ Thị Ngọc H số tiền 42.204.411 đồng.

Từ những phân tích trên xét kháng cáo của bị cáo đề nghị giảm tiền bồi thường là không có căn cứ, cần chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại của người bị hại.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo là người cao tuổi và thuộc hộ cận nghèo nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 bị cáo được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị L và chấp nhận kháng cáo của người bị hại chị Võ Thị Ngọc H nên bị cáo và người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 - Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị L; Chấp nhận kháng cáo của người bị hại chị Võ Thị Ngọc H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 05/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Thị L có trách nhiệm bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích cho bị hại chị Võ Thị Ngọc H số tiền 49.204.411 đồng (bốn mươi chín triệu hai trăm lẻ tư nghìn bốn trăm mười một đồng), được khấu trừ số tiền 7.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số: AA/2013/17380 ngày 22/11/2019 và biên lai thu số: AA/2013/17390 ngày 01/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Võ Thị Ngọc H số tiền 42.204.411 đồng (bốn mươi hai triệu hai trăm lẻ tư nghìn bốn trăm mười một đồng).

Chị Võ Thị Ngọc H được nhận số tiền 7.000.000 đồng do bị cáo Phạm Thị L nộp để bồi thường, khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số AA/2013/17380 ngày 22/11/2019 và biên lai thu số AA/2013/17390 ngày 01/4/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thị L và người bị hại chị Võ Thị Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hằng